

TRƯỜNG : THCS ĐIỀN XÁ  
GV : NGUYỄN THỊ LOAN

MỘT SỐ CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN SINH HỌC 9  
(CHUYÊN ĐỀ 6,7,8)

**CHUYÊN ĐỀ 6 : ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC**

( Thoái hóa và ưu thế lai)

? - *Nêu rõ biểu hiện, nguyên nhân, các trường hợp xảy ra ưu thế lai và thoái hóa? Lấy ví dụ.  
Từ đó hãy phân biệt 2 hiện tượng trên.*

? Trắc nghiệm :

**Câu 1: Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa giống ở cây giao phấn là:**

- A.Do giao phấn xảy ra ngẫu nhiên giữa các loài thực vật  
B.Do lai giữa các dòng thuần có kiểu gen khác nhau  
C.Do lai khác thứ  
D.Do tự thụ phấn bắt buộc

**Câu 2: Tự thụ phấn là hiện tượng tự thụ phấn xảy ra giữa:**

- A. Hoa đực và hoa cái trên cùng một cây  
B. Hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau  
C. Hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau và mang kiểu gen khác nhau  
D. Hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau nhưng mang kiểu gen giống nhau

**Câu 3: Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa giống ở động vật là:**

- A. Do giao phối xảy ra ngẫu nhiên giữa các loài động vật  
B. Do lai giữa các dòng thuần có kiểu gen khác nhau  
C. Do giao phối gần  
D. Do lai phân tích

**Câu 4: Giao phối cận huyết là:**

- A.Giao phối giữa các cá thể khác bố mẹ  
B.Lai giữa các cây có cùng kiểu gen  
C.Giao phối giữa các cá thể có kiểu gen khác nhau  
D.Giao phối giữa các cá thể có cùng bố mẹ hoặc giao phối giữa con cái với bố hoặc mẹ chúng

**Câu 5: Khi tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn, thế hệ sau thường xuất hiện hiện tượng:**

- A. Có khả năng chống chịu tốt với điều kiện của môi trường  
B. Cho năng suất cao hơn thế hệ trước  
C. Sinh trưởng và phát triển chậm, bộc lộ những tính trạng xấu  
D. Sinh trưởng và phát triển nhanh, bộc lộ những tính trạng tốt

**Câu 6: Biểu hiện của hiện tượng thoái hóa giống là:**

- A.Con lai có sức sống cao hơn bố mẹ  
B.Năng suất thu hoạch luôn tăng lên  
C.Con lai sinh trưởng mạnh hơn bố mẹ  
D.Con lai có sức sống kém dần

**Câu 7: Trong chọn giống cây trồng, người ta không dùng phương pháp tự thụ phấn để:**

- A. Duy trì một số tính trạng mong muốn  
B. Tạo ưu thế lai  
C. Tạo dòng thuần  
D. Chuẩn bị cho việc tạo ưu thế lai

**Câu 8: Giao phối gần và tự thụ phấn qua nhiều thế hệ có thể dẫn đến hiện tượng thoái hóa giống là do:**

- A. Tạo ra các cặp gen lặn đồng hợp gây hại  
B. Tập trung những gen trội có hại cho thế hệ sau  
C. Xuất hiện hiện tượng đột biến gen và đột biến nhiễm sắc thể  
D. Tạo ra các gen lặn có hại bị gen trội át chế

**Câu 9: Qua các thế hệ, tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn hoặc giao phối gần ở đv thì :**

- A.Tỉ lệ thể đồng hợp và thể dị hợp không đổi  
B.Tỉ lệ thể đồng hợp tăng và thể dị hợp giảm  
C.Tỉ lệ thể đồng hợp giảm và thể dị hợp tăng  
D.Tỉ lệ thể đồng hợp tăng và thể dị hợp không đổi

**Câu 10: Tự thụ phấn bắt buộc và giao phối gần gây ra hiện tượng thoái hóa nhưng vẫn được sử dụng trong chọn giống vì :**

- A. Đề củng cố và duy trì một số tính trạng mong muốn, tạo dòng thuần
- B. Tạo ra giống mới để góp phần phát triển chăn nuôi và trồng trọt
- C. Là một biện pháp quan trọng không thể thiếu trong chăn nuôi, trồng trọt
- D. Tạo ra nhiều biến dị và tổ hợp đột biến mới

**Câu 11: Đặc điểm nào sau đây không phải là mục đích của việc ứng dụng tự thụ phấn và giao phối gần vào chọn giống và sản xuất:**

- A. Tạo ra dòng thuần dùng để làm giống
- B. Tập hợp các đặc tính quý vào chọn giống và sản xuất
- C. Củng cố và duy trì một số tính trạng mong muốn
- D. Phát hiện và loại bỏ những gen xấu ra khỏi quần thể

**Câu 12 : Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất khi thực hiện phép lai giữa:**

- A. Các cá thể khác loài
- B. Các cá thể được sinh ra từ một cặp bố mẹ
- C. Các dòng thuần có kiểu gen khác nhau
- D. Hoa đực và hoa cái trên cùng một cây

**Câu 13: Khi thực hiện lai giữa các dòng thuần mang kiểu gen khác nhau thì ưu thế lai thể hiện rõ nhất ở thế hệ con lai:**

- A. Thứ 1
- B. Thứ 2
- C. Thứ 3
- D. Mọi thế hệ

**Câu 14. Tại sao không sử dụng con lai F1 để nhân giống?**

- A. Tỷ lệ đồng hợp của cơ thể lai F1 sẽ bị giảm dần ở các thế hệ sau
- B. Cơ thể lai F1 dễ bị đột biến, ảnh hưởng xấu đến đời sau
- C. Cơ thể lai có đặc điểm di truyền không ổn định
- D. Tỷ lệ dị hợp của con lai F1 tăng dần ở thế hệ sau.

**Câu 15: Lai kinh tế là:**

- A. Cho vật nuôi giao phối cận huyết qua một, hai thế hệ rồi dùng con lai làm sản phẩm
- B. Lai giữa 2 loài khác nhau rồi dùng con lai làm giống
- C. Lai giữa 2 dòng thuần khác nhau rồi dùng con lai làm giống
- D. Lai giữa 2 dòng thuần khác nhau rồi dùng con lai làm sản phẩm

**Câu 16: Trong chăn nuôi, người ta sử dụng phương pháp chủ yếu nào để tạo ưu thế lai?**

- A. Giao phối gần
- B. Cho F<sub>1</sub> lai với cây P
- C. Lai khác dòng
- D. Lai kinh tế

**Câu 17: Để tạo ưu thế lai ở cây trồng người ta dùng phương pháp chủ yếu nào sau đây?**

- A. Tự thụ phấn
- B. Lai khác dòng
- C. Cho cây F<sub>1</sub> lai với cây P
- D. Lai phân tích

**Câu 18: Ưu thế lai biểu hiện như thế nào qua các thế hệ :**

- A. Biểu hiện cao nhất ở thế hệ P, sau đó giảm dần qua các thế hệ .
- B. Biểu hiện cao nhất ở thế hệ F<sub>1</sub>, sau đó giảm dần qua các thế hệ .
- C. Biểu hiện cao nhất ở thế hệ F<sub>2</sub>, sau đó giảm dần qua các thế hệ .
- D. Biểu hiện cao nhất ở thế hệ F<sub>1</sub>, sau đó tăng dần qua các thế hệ .

**Câu 19: Để tạo ưu thế lai, khâu quan trọng đầu tiên là:**

- A. Lai khác dòng
- B. Lai phân tích
- C. Lai kinh tế
- D. Tạo ra các dòng thuần

**Câu 20: Muốn duy trì ưu thế lai trong trồng trọt phải dùng phương pháp nào?**

- A. Cho con lai F<sub>1</sub> lai hữu tính với nhau
- B. Lai kinh tế giữa 2 dòng thuần khác nhau
- C. Nhân giống vô tính bằng giâm, chiết, ghép...
- D. Cho F<sub>1</sub> lai với P

**Câu 21: Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở con lai của phép lai nào sau đây?**

- A. P: AABbDD X AABbDD
- B. P: AAbbDD X aaBBdd
- C. P: AaBBDD X Aabbdd
- D. P: aabbdd X aabbdd

**Câu 22: Thoái hóa biểu hiện rõ nhất ở con lai của phép lai nào sau đây?**

A. P: AABbDD X AABbDD

C. P: AaBBDD X Aabbdd

B. P: AAbbDD X aaBBdd

D. P: aabbdd X aabbdd

**Câu 23: Phép lai nào dưới đây gọi là lai kinh tế?**

A. Lai ngô Việt Nam với ngô Mêhicô

C. Lai cà chua hồng Việt Nam với cà chua Ba Lan trắng

B. Lai lúa Việt Nam với lúa Trung Quốc

D. Lai bò vàng Thanh Hóa với bò Hôn sten Hà Lan

**Câu 24: Tại sao ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F<sub>1</sub>, còn sau đó giảm dần qua các thế hệ?**

A. Vì các thế hệ sau, tỉ lệ các tổ hợp đồng hợp trội giảm dần và không được biểu hiện

B. Vì các thế hệ sau, tỉ lệ các tổ hợp đồng hợp trội biểu hiện các đặc tính xấu

C. Vì các thế hệ sau, tỉ lệ dị hợp giảm dần, đồng hợp lặn tăng dần và biểu hiện các đặc tính xấu

D. Vì các thế hệ sau, tỉ lệ dị hợp giảm dần, đồng hợp trội tăng dần và biểu hiện các đặc tính xấu

## **PHẦN : SINH VẬT - MÔI TRƯỜNG**

**CHUYÊN ĐỀ 7 : SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG. (Chương 1):**

**\* HS ôn tập các kiến thức về :**

- *Môi trường sống ( định nghĩa, các loại, ví dụ)*

- *Các nhân tố sinh thái ( định nghĩa, các loại, ví dụ)*

- *Giới hạn sinh thái ( định nghĩa, ví dụ, vẽ các điểm chốt quan trọng ở sơ đồ)*

- *Ảnh hưởng của 3 nhân tố sinh thái chủ yếu (ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm) lên đời sống sinh vật (ảnh hưởng, ví dụ)*

- *Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật (các mối quan hệ cùng loài, khác loài và lấy ví dụ)*

**? Trắc nghiệm:**

**Câu 1. Môi trường sống là :**

A. nguồn thức ăn cung cấp cho sinh vật, tập hợp các yếu tố về nhiệt độ, độ ẩm .

B. các yếu tố của khí hậu, nhiệt độ, độ ẩm tác động lên sinh vật.

C. nơi sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh sinh vật .

D. tập hợp các yếu tố của khí hậu tác động lên sinh vật

**Câu 2. Các loại môi trường chủ yếu của sinh vật là:**

A. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn , môi trường cơ thể động vật.

B. môi trường đất, môi trường nước, môi trường cơ thể động vật, môi trường thực vật.

C. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên mặt đất- không khí.

D. môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường sinh vật.

**Câu 3. Nhân tố sinh thái là.....(I) ...tác động tới sinh vật. (I) là:**

A. những yếu tố ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, đất, đá

C.. những yếu tố của môi trường

B. những yếu tố ánh sáng, nước, nhiệt độ

D. những yếu tố độ dài ngày, ánh sáng

**Câu 4. Giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định được gọi là:**

A. giới hạn sinh thái

C. tác động sinh thái

B. giới hạn sinh vật

D. giới hạn cơ thể

**Câu 5: Các nhân tố sinh thái của môi trường bao gồm:**

A. Các nhân tố vô sinh và các nhân tố hữu sinh

C. Chế độ khí hậu, gió, ánh sáng.

B. Chế độ khí hậu, gió, ánh sáng, nhân tố con người.

D. Vật hữu sinh và vật vô sinh.

**Câu 6. Yếu tố ánh sáng thuộc nhóm nhân tố sinh thái**

A. vô sinh

B. hữu sinh

C. con người

D. vô cơ

**Câu 7. Con người thuộc nhóm nhân tố sinh thái nào?**

A. Vô sinh

B Hữu cơ

C. Hữu sinh

D. Hữu sinh và vô sinh

**Câu 8: Cá chép có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 2°C đến 44°C, điểm cực thuận là 28°C. Cá rô phi có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 5°C đến 42°C, điểm cực thuận là 30°C. Nhận định nào sau đây là đúng?**

- A. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.
- B. Vùng phân bố cá chép hẹp hơn cá rô phi vì có điểm cực thuận thấp hơn.
- C. Vùng phân bố cá rô phi rộng hơn cá chép vì có giới hạn dưới cao hơn.
- D. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn dưới thấp hơn.

**Câu 9. Tùy theo khả năng thích nghi của thực vật với nhân tố ánh sáng. Người ta phân chia thực vật, động vật thành 2 nhóm là:**

- A. Nhóm cây kị sáng và nhóm cây kị bóng, nhóm động vật ưa sáng và nhóm động vật ưa tối
- B. Nhóm cây kị sáng và nhóm cây ưa bóng, nhóm động vật ưa sáng và nhóm động vật ưa tối
- C. Nhóm cây ưa sáng và nhóm cây kị bóng, nhóm động vật ưa sáng và nhóm động vật ưa tối
- D. Nhóm cây ưa sáng và nhóm cây ưa bóng, nhóm động vật ưa sáng và nhóm động vật ưa tối

**Câu 10. Tùy theo khả năng thích nghi của thực vật với nhân tố độ ẩm. Người ta phân chia thực vật, động vật thành 2 nhóm là:**

- A. . Nhóm cây ưa ẩm và nhóm cây chịu hạn, nhóm động vật ưa ẩm và nhóm động vật chịu hạn
- B. Nhóm cây ưa ẩm và nhóm cây chịu hạn, nhóm động vật ưa ẩm và nhóm động vật ưa khô
- C. Nhóm cây ưa ẩm và nhóm cây ưa khô, nhóm động vật ưa ẩm và nhóm động vật ưa khô
- D. Nhóm cây ưa ẩm và nhóm cây ưa khô, nhóm động vật ưa ẩm và nhóm động vật chịu hạn

**Câu 11 . Sinh vật biến nhiệt là**

- A. có nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.
- B. có nhiệt độ cơ thể không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.
- C. thuộc nhóm cơ thể có tổ chức cao
- D. có nhiệt độ cơ thể tùy thuộc vào điều kiện môi trường

**Câu 12. Những cây sống ở vùng nhiệt đới, để hạn chế sự thoát hơi nước khi nhiệt độ không khí cao, lá có đặc điểm nào sau đây?**

- A. Số lượng lỗ khí của lá tăng lên
- B. Bề mặt của lá có tầng cutin dày
- C. Lá tổng hợp chất diệp lục
- D. Lá tăng kích thước và có bản lá rộng

**Câu 13 . Khi nhiệt độ môi trường tăng trong giới hạn, sinh vật biến nhiệt sẽ:**

- A. Sinh trưởng nhanh và có thời gian phát dục kéo dài.
- B. Sinh trưởng Chậm và có thời gian phát dục kéo ngắn.
- C. Sinh trưởng nhanh và có thời gian phát dục kéo ngắn.
- D. Sinh trưởng chậm và có thời gian phát dục kéo dài.

**Câu 14: Đặc điểm ngủ đông của động vật giúp chúng:**

- A. Báo hiệu mùa lạnh đã đến.
- B. Thích nghi và tồn tại
- C. Thích nghi với môi trường.
- D. Sinh trưởng phát triển vào mùa đông.

**Câu 15: Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật như thế nào?**

- A. Làm thay đổi những đặc điểm hình thái và hoạt động sinh lí của thực vật.
- B. Làm thay đổi hình thái bên ngoài của thân, lá và khả năng quang hợp của thực vật.
- C. Làm thay đổi các quá trình sinh lí quang hợp, hô hấp.
- D. Làm thay đổi đặc điểm hình thái của thân, lá và khả năng hút nước của rễ.

**Câu 16: Cây thông mọc riêng rẽ nơi quang đãng thường có tán rộng hơn cây thông mọc xen nhau trong rừng vì:**

- A. Ánh sáng mặt trời tập trung chiếu vào cành cây phía trên.
- B. Cây có nhiều chất dinh dưỡng.
- C. Ánh sáng mặt trời chiếu được đến các phía của cây.
- D. Cây có nhiều chất dinh dưỡng và phần ngọn của cây nhận nhiều ánh sáng.

**Câu 17: Quá trình quang hợp của cây chỉ có thể diễn ra bình thường ở nhiệt độ môi trường nào?**

- A.  $0^{\circ}$ -  $40^{\circ}$ .                      B.  $10^{\circ}$ -  $40^{\circ}$ .                      C.  $20^{\circ}$ -  $30^{\circ}$ .                      D.  $25^{\circ}$ - $35^{\circ}$ .

**Câu 18: Ở nhiệt độ quá cao (cao hơn  $40^{\circ}\text{C}$ ) hay quá thấp ( $0^{\circ}\text{C}$ ) các hoạt động sống của hầu hết các loại cây xanh diễn ra như thế nào?**

- A. Các hạt diệp lục được hình thành nhiều.                      C. Quang hợp tăng, hô hấp tăng.  
B. Quang hợp giảm, hô hấp tăng.                      D. Quang hợp giảm, hô hấp ngưng trệ.

**Câu 19. Đặc điểm thường gặp ở những cây sống nơi ẩm ướt nhưng có nhiều ánh sáng như ven bờ ruộng là**

- A. cây có phiến lá to, rộng và dày                      C. cây có lá tiêu giảm, biến thành gai.  
B. cây có phiến lá hẹp, mô giậu phát triển.                      D. cây biến dạng thành thân bò.

**Câu 20: Giữa các sinh vật cùng loài thường xảy ra các mối quan hệ :**

- A. Hỗ trợ và cạnh tranh                      C. Cộng sinh và kí sinh  
B. Cộng sinh và hội sinh                      D. Hội sinh và kí sinh

**Câu 21: Nguyên nhân chủ yếu của đấu tranh cùng loài là:**

- A. Do chúng có cùng nhu cầu sống và khi nguồn sống hạn hẹp.  
B. Mật độ cao  
C. Điều kiện sống thay đổi.  
D. Chống lại điều kiện bất lợi.

**Câu 22: Giữa các sinh vật khác loài, mối quan hệ thể hiện hai bên cùng có lợi và nhất thiết phải có nhau là:**

- A. Hội sinh                      B. Kí sinh                      C. Cộng sinh                      D. Sv ăn sv khác.

**Câu 23: Giữa các sinh vật khác loài, mối quan hệ thể hiện 1 bên có lợi, 1 bên có hại và sinh vật sống bám nhờ trên cơ thể sinh vật khác là:**

- A. Hội sinh                      B. Kí sinh                      C. Cộng sinh                      D. Sv ăn sv khác.

**Câu 24: Giữa các sinh vật khác loài, mối quan hệ thể hiện 1 bên có lợi, 1 bên không có lợi cũng không có hại là:**

- A. Hội sinh                      B. Kí sinh                      C. Cộng sinh                      D. Sv ăn sv khác.

**Câu 25 : Mối quan hệ giữa Nấm và Tảo tạo thành Địa y là mối quan hệ.**

- A. Dinh dưỡng                      B. Hội sinh                      C. Cộng sinh                      D. Hợp tác.

**Câu 26 : Hai đàn trâu và bò cùng ăn cỏ trên một cánh đồng thể hiện mối quan hệ :**

- A. Dinh dưỡng                      B. Hội sinh                      C. Cộng sinh                      D. Cạnh tranh.

**Câu 27: Số lượng Hươu, Nai sống trong rừng bị khống chế bởi số lượng hổ thông qua mối quan hệ nào sau đây:**

- A. Kí sinh                      B. Sv ăn sv khác.                      C. Cộng sinh.                      D. Cạnh tranh.

**Câu 28: Quan hệ giữa Vi khuẩn sống trong nốt sần cây họ Đậu và cây họ Đậu là:**

- A. Hội sinh                      B. Cộng sinh                      C. Hợp tác                      D. Hỗ trợ

**Câu 29 . Rận và bét sống bám trên da trâu, bò. Rận, bét với trâu, bò có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây?**

- A. Hội sinh.                      B. Kí sinh.                      C. Sv ăn sv khác.                      D. Cạnh tranh.

**Câu 30: Cỏ dại thường mọc lẫn với lúa trên cánh đồng làm cho năng suất lúa bị giảm đi, giữa cỏ dại và lúa có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây:**

- A. Cộng sinh.                      B. Hội sinh.                      C. Cạnh tranh.                      D. Kí sinh.

**Câu 31: Quan hệ nào sau đây là quan hệ cộng sinh?**

- A. Vi khuẩn trong nốt sần rễ cây họ đậu.                      C. Địa y bám trên cành cây.  
B. Giun đũa sống trong ruột người.                      D. Cây nắp ấm bắt côn trùng.

**Câu 32. Đặc điểm quan hệ sinh vật cùng loài là**

- A. các sinh vật cùng loài sống ở các khu vực xa nhau, hình thành nên nhóm cá thể.
- B. các sinh vật cùng loài có quan hệ với nhau, liên hệ với nhau, ở các khu vực xa nhau.
- C. các sinh vật cùng loài sống gần nhau, liên hệ với nhau, hình thành nên nhóm cá thể.
- D. các sinh vật cùng loài có quan hệ đối địch, cộng sinh và hội sinh.

**CHUYÊN ĐỀ 8 : HỆ SINH THÁI ( CHƯƠNG 2)**

**\* HS ôn tập các kiến thức về :**

- **Quần thể sinh vật** (định nghĩa, tính chất, ví dụ, những đặc trưng cơ bản, và các dạng tháp tuổi)
- **Quần thể người** (tính chất, đặc trưng về thành phần nhóm tuổi, các dạng tháp tuổi, và các hiện tượng tăng dân số)
- **Quần xã sinh vật** (định nghĩa, tính chất, ví dụ, những dấu hiệu điển hình, và các hiện tượng cân bằng sinh học, khống chế sinh học)
- **Hệ sinh thái** (định nghĩa, tính chất, các thành phần, chuỗi thức ăn và lưới thức ăn, ví dụ)

**? Trắc nghiệm :**

**Câu 1: Quần thể sinh vật là:**

- A. Một tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian xác định ở một thời điểm nhất định, được hình thành trong một quá trình lịch sử nào đó.
- B. Một tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian xác định ở một thời điểm nhất định, các cá thể trong quần thể có khả năng giao phối với nhau.
- C. Một tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian xác định ở một thời điểm nhất định.
- D. Một tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian xác định ở một thời điểm nhất định, Các cá thể trong quần thể có khả năng giao phối với nhau để sinh sản tạo thành thế hệ mới.

**Câu 2: Đặc trưng quan trọng nhất của quần thể là:**

- A. Tỷ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi.
- B. Thành phần nhóm tuổi.
- C. Mật độ
- D. Thành phần nhóm tuổi, mật độ

**Câu 3: Mật độ quần thể là:**

- A. Số lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích.
- B. Số lượng sinh vật có trong một vùng nào đó.
- C. Số lượng hợp lí các sinh vật có trong một đơn vị nào đó.
- D. Sự phân bố cá thể sinh vật trên diện tích.

**Câu 4. Yếu tố tác động làm thay đổi mật độ của quần thể là :**

- A. Tỷ lệ tử vong của quần thể
- B. Biến động của điều kiện sống như lũ lụt, cháy rừng, dịch bệnh...
- C. Tỷ lệ sinh sản của quần thể
- D. Tỷ lệ tử vong, tỷ lệ sinh sản và biến động của điều kiện sống của quần thể

**Câu 5: Trong quần thể, giữa các cá thể có mối quan hệ**

- A. cộng sinh và hội sinh.
- B. hỗ trợ và cộng sinh.
- C. Hỗ trợ và cạnh tranh khác loài.
- D. hỗ trợ và cạnh tranh cùng loài.

**Câu 6: Quần thể người có những nhóm tuổi:**

- A. nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc
- B. nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi sau lao động, nhóm tuổi không còn khả năng sinh sản
- C. nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sinh sản , nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc
- D. nhóm tuổi trước lao động , nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sau lao động

**Câu 7: Tập hợp sinh vật nào dưới đây không phải quần thể là :**

- A. Các cây thông mọc tự nhiên trên một đồi thông      B. Các con lợn nuôi trong một trại chăn nuôi  
C. Các con sói trong một khu rừng      D. Các con ong mật trong một vườn hoa

**Câu 8: Đặc điểm sau đây không được xem là điểm đặc trưng của quần thể :**

- A. Tỷ lệ giới tính của các cá thể trong quần thể      B. Thời gian hình thành của quần thể  
C. Thành phần nhóm tuổi của các cá thể      D. Mật độ của quần thể

**Câu 9: ý nghĩa của nhóm tuổi trước sinh sản trong quần thể là:**

- A. Không làm giảm khả năng sinh sản của quần thể  
B. Có vai trò chủ yếu làm tăng khối lượng và kích thước của quần thể  
C. Không ảnh hưởng đến sự phát triển của quần thể  
D. Làm giảm mật độ trong tương lai của quần thể

**Câu 10: Tập hợp nào sau đây là quần thể sinh vật**

- A. Các cây xanh trong một khu rừng      B. Các động vật cùng sống trên cùng một đồng cỏ  
C. Các cá thể chuột đồng trên một cánh đồng lúa.      D. Các con cá chép trong một chậu.

**Câu 11: Yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến việc tăng, giảm dân số ở quần thể người là:**

- A. Mật độ dân số trên một khu vực nào đó      B. Tương quan giữa tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong  
C. Tỷ lệ giới tính      D. Mật độ và lứa tuổi trong quần thể người

**Câu 12. Hiện tượng số lượng cá thể của một quần thể này bị số lượng cá thể của quần thể khác trong quần xã kìm hãm là hiện tượng**

- A. không chế sinh học.      B. cạnh tranh giữa các loài.  
C. hỗ trợ giữa các loài.      D. hội sinh giữa các loài

**Câu 13: Quần thể người khác với quần thể sinh vật về đặc trưng nào sau đây:**

- A. Tỷ lệ giới tính.      B. Thành phần nhóm tuổi  
C. Mật độ quần thể.      D. Văn hoá

**Câu 14. Đặc điểm nào sau đây chỉ có ở quần thể người mà các quần thể sinh vật khác không có?**

- A. Tỷ lệ giới tính.      B. Thành phần nhóm tuổi.  
C. Sinh sản.      D. Giáo dục.

**Câu 15: Tập hợp cá thể thuộc quần thể sinh vật đó là**

- A. tập hợp các cá thể giun đất, giun tròn, côn trùng, chuột chũi đang sống trên một cánh đồng.  
B. tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi đang sống chung trong một ao.  
C. tập hợp các cây có hoa cùng mọc trong một cánh rừng.  
D. tập hợp các cây ngô (bắp) trên một cánh đồng.

**Câu 16: Ví dụ không phải là quần thể sinh vật**

- A. Các cá thể chim cánh cụt sống ở bờ biển Nam cực.  
B. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa.  
C. Các cá thể rắn hổ mang sống ở ba hòn đảo cách xa nhau.  
D. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng Đông bắc Việt Nam.

**Câu 17: Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về quần xã**

- A. Một tập hợp những quần thể sinh vật thuộc nhiều loài khác nhau, cùng sống trong một khoảng không gian nhất định.  
B. Các sinh vật trong quần xã có mối quan hệ gắn bó với nhau làm cho quần xã có cấu trúc tương đối ổn định.  
C. Các sinh vật trong quần xã đều thích nghi với môi trường sống của chúng.  
D. Một tập hợp những cá thể sinh vật cùng loài, cùng sống trong một khoảng không gian nhất định.

**Câu 18: Rừng mưa nhiệt đới là ví dụ về**

- A. một quần thể sinh vật
- B. một quần xã sinh vật
- C. một quần xã động vật
- D. một quần xã thực vật

**Câu 19: Quần xã sinh vật có những dấu hiệu điển hình về**

- A. số lượng các loài trong quần xã.
- B. thành phần loài trong quần xã
- C. số lượng các cá thể của từng loài trong quần xã
- D. số lượng & th.phần loài trong quần xã

**Câu 20: Số lượng các loài trong quần xã thể hiện chỉ số:**

- A. độ nhiều, độ đa dạng, độ tập trung
- B. độ đa dạng, độ thường gặp, độ tập trung
- C. độ thường gặp, độ nhiều, độ tập trung
- D. độ đa dạng, độ thường gặp, độ nhiều

**Câu 21: Thành phần loài trong quần xã thể hiện chỉ số:**

- A. độ nhiều, độ đa dạng, độ tập trung
- B. Loài ưu thế, loài đặc trưng
- C. độ thường gặp, độ nhiều, độ tập trung
- D. độ đa dạng, độ thường gặp, độ nhiều

**Câu 22. Tập hợp nào sau đây không phải là quần xã sinh vật?**

- A. Một khu rừng.
- B. Một hồ tự nhiên.
- C. Một đàn chuột đồng .
- D. Một ao cá.

**Câu 23: Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về hệ sinh thái.**

- A. Hệ sinh thái gồm quần xã sinh vật và khu vực sống của quần xã.
- B. Trong hệ sinh thái các sinh vật luôn luôn tác động lẫn nhau với các nhân tố vô sinh tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.
- C. hệ sinh thái gồm nhiều quần xã có quan hệ mật thiết với nhau.
- D. Trong hệ sinh thái các sinh vật luôn luôn tác động lẫn nhau với các nhân tố vô sinh tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh và luôn biến động mạnh.

**Câu 24: Chuỗi thức ăn là:**

- A. Một dãy nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau, mỗi loài trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa là sinh vật bị mắt xích phía sau tiêu thụ.
- B. Một dãy nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau.
- C. Các loài sinh vật có quan hệ với nhau nhiều mặt, chúng tiêu diệt lẫn nhau theo nguyên tắc sinh vật lớn hơn ăn sinh vật bé.
- D. Một dãy nhiều loài sinh vật trong đó sinh vật này ăn sinh vật khác.

**Câu 25: Yếu tố quan trọng nhất chi phối cơ chế điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể là:**

- A. Sức tăng trưởng của cá thể
- B. Nguồn thức ăn từ môi trường
- C. Mức sinh sản
- D. mức tử vong

**Câu 26: Nhóm sinh vật sản xuất ra lượng chất hữu cơ lớn nhất trái đất là:**

- A. Thực vật
- B. Vi khuẩn
- C. Tảo
- D. Động vật nguyên sinh

**Câu 27. Hiện tượng tăng dân số tự nhiên là do :**

- A. Số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong
- B. Số người sinh ra ít hơn số người tử vong
- C. Số người sinh ra và số người tử vong bằng nhau
- D. Chỉ có sinh ra không có tử vong

**Câu 28. Hiện tượng tăng dân số cơ học là do :**

- A. Tỷ lệ sinh cao hơn nhiều so với tỷ lệ tử vong
- B. Tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong bằng nhau
- C. Số ng nhập cư nhiều hơn số ng xuất cư
- D. Lượng ng xuất cư nhiều hơn lượng ng nhập cư

**Câu 29: Ở người, nhóm tuổi trước sinh sản là:**

- A. <12 tuổi
- B. <13 tuổi
- C. <14 tuổi
- D. <15 tuổi

**Câu 30: Ở người, nhóm tuổi sinh sản và lao động là những người có độ tuổi:**

- A. 13 - 55
- B. 14 - 60
- C. 15 - 60
- D. 15 - 65

**Câu 31: Ở người, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc là những người có độ tuổi:**

- A. >55 tuổi
- B. >60 tuổi
- C. >65 tuổi
- D. >70 tuổi



**Câu 32: Hậu quả của sự tăng dân số quá nhanh là gì?**

1. Thiếu nơi ở
2. Thiếu lương thực
3. Thiếu trường học, bệnh viện
4. ô nhiễm môi trường
5. chặt phá rừng
6. Chậm phát triển kinh tế
7. Tắc nghẽn giao thông
8. Năng suất lao động tăng.

**Phương án trả lời đúng là:**

- A. 1,2,3,4,5,6      B. 2,3,4,5,6,7      C. 1,2,3,4,5,7      D. 3,4,5,6,7,8.

**Câu 33. Điểm giống nhau giữa quần thể sinh vật và quần xã sinh vật là :**

- A. Tập hợp nhiều quần thể sinh vật      B. Tập hợp nhiều cá thể sinh vật  
C. Gồm các sinh vật trong cùng một loài      D. Gồm các sinh vật khác loài

**Câu 34. Sinh vật nào sau đây luôn luôn là mắt xích chung trong các chuỗi thức ăn:**

- A. Cây xanh và động vật      B. Cây xanh và sinh vật tiêu thụ  
C. Động vật, vi khuẩn và nấm      D. Cây xanh, vi khuẩn và nấm

**Câu 35. Trong các chuỗi thức ăn sau chuỗi thức ăn nào là hoàn chỉnh :**

- A. Cây xanh → chuột → cú → vi khuẩn      B. Cây xanh → châu chấu → ếch  
C. Cỏ → nai → hổ      D. Thỏ → Hổ → sinh vật phân giải

**Câu 36. Loài ưu thế là**

- A. loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.  
B. loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã.  
C. loài có số lượng cá thể nhiều nhất trong quần xã.  
D. loài có ở nhiều quần xã khác nhau.

**Câu 37. Chuỗi thức ăn là một dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ với nhau về**

- A. nơi ở.      B. sinh sản.      C. dinh dưỡng.      D. cạnh tranh.

**Câu 38. Trong chuỗi thức ăn : Cây cỏ → Bọ rùa → Ếch → Rắn → Vi sinh vật Rắn là**

- A. sinh vật sản xuất.      B. sinh vật tiêu thụ bậc 1.  
C. sinh vật tiêu thụ bậc 2.      D. sinh vật tiêu thụ bậc 3.

**Câu 39: Một hệ sinh thái hoàn chỉnh bao gồm những thành phần chủ yếu:**

- A. thành phần vô sinh, thành phần hữu cơ, thành phần vô cơ  
B. thành phần động vật, thành phần thực vật, thành phần vi sinh vật  
C. sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải  
D. thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.

**Câu 40: Thành phần vô sinh của một hệ sinh thái bao gồm những yếu tố:**

- A. các chất vô cơ: nước, khí cacbonic, khí oxi..., các loài vi rút, vi khuẩn...  
B. các chất mùn, bã, các loài rêu, địa y.  
C. các nhân tố khí hậu như: nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm...các loại nấm, mốc.  
D. nước, khí cacbonic, khí oxi, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm.

**Câu 41: Sinh vật tiêu thụ gồm những đối tượng:**

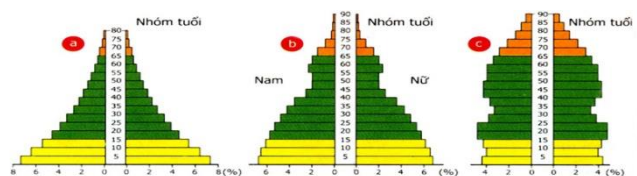
- A. động vật ăn thực vật, động vật ăn thịt bậc 1, động vật ăn thịt bậc 2  
B. động vật ăn thịt bậc 1, động vật ăn thịt bậc 2, thực vật  
C. động vật ăn thịt bậc 2, động vật ăn thực vật, thực vật  
D. thực vật, động vật ăn thịt bậc 2, động vật ăn thực vật

**Câu 42: Tháp dân số thể hiện**

- A. đặc trưng dân số của mỗi nước      B. thành phần dân số của mỗi nước  
C. nhóm tuổi dân số của mỗi nước      D. tỉ lệ nam/ nữ của mỗi nước

**Câu 43. Cho hình vẽ ba dạng tháp tuổi, dạng tháp dân số trẻ là:**

- A. dạng tháp a, b.  
B. dạng tháp b, c.



Hình 48. Ba dạng tháp tuổi (%)  
a) Tháp dân số Ấn Độ năm 1970 ; b) Tháp dân số Việt Nam năm 1989 ;  
c) Tháp dân số Thụy Điển năm 1955

C. dạng tháp a, c.

D. dạng tháp c.

**Câu 44: Một quần thể chim sẻ có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:**

- *Nhóm tuổi trước sinh sản: 53 con / ha*

- *Nhóm tuổi sinh sản: 29 con/ ha*

- *Nhóm tuổi sau sinh sản: 17 con/ ha*

**Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này đang ở dạng**

A. vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển.

B. dạng phát triển.

C. dạng giảm sút.

D. dạng ổn định.

**Câu 45: Nếu một nước có số trẻ em dưới 15 tuổi chiếm trên 30% dân số, số lượng người già chiếm dưới 10%, tuổi thọ trung bình thấp thì được xếp vào loại nước có**

A. tháp dân số tương đối ổn định

B. tháp dân số giảm sút

C. tháp dân số ổn định

D. tháp dân số phát triển